

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NGHỆ AN

Số: 872/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 31 tháng 3 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá  
tác động môi trường của Dự án khai thác mỏ đất san lấp  
tại xã Tân Thắng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án khai thác mỏ đất san lấp tại xã Tân Thắng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An và Văn bản số 18/CV-TPC ngày 24/3/2025 của Công ty TNHH XD & DV Triệu Phong Cường về việc đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Công văn số 617/STNMT-BVMT ngày 25/3/2025.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án khai thác mỏ đất san lấp tại xã Tân Thắng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An (sau đây gọi tắt là Dự án) của Công ty TNHH XD & DV Triệu Phong Cường làm Chủ Dự án (sau đây gọi là Chủ Dự án) thực hiện tại xã Tân Thắng,



huyện Quỳnh Lưu với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Quỳnh Lưu; Chủ tịch UBND xã Tân Thắng; Giám đốc Công ty TNHH XD & DV Triệu Phong Cường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.//

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (đề b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (đề b/c);
- Phó Chủ tịch (TN) UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu VT.NN(V).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



**Phùng Thành Vinh**

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN  
Khai thác mỏ đất san lấp tại xã Tân Thắng,  
Huyện Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An**

*(Kèm theo Quyết định số: 872/QĐ-UBND ngày 31/3/2025  
của UBND tỉnh Nghệ An)*

**1. Thông tin về Dự án**

**1.1. Thông tin chung**

- Tên Dự án: Khai thác mỏ đất san lấp tại xã Tân Thắng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

- Địa điểm thực hiện: xã Tân Thắng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

- Chủ Dự án: Công ty TNHH XD & DV Triệu Phong Cường.

+ Đại diện: ông Nguyễn Cảnh Dương; chức vụ: Giám đốc;

+ Địa chỉ: khối 12, phường Quỳnh Xuân, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

**1.2. Phạm vi, quy mô, công suất**

**1.2.1. Phạm vi:**

Dự án đã được UBND tỉnh Nghệ An cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản số 430/GP-UBND ngày 23/02/2023; phê duyệt trữ lượng khoáng sản tại Quyết định số 1892/QĐ-UBND ngày 03/7/2023; chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 13/6/2024 với diện tích 6,0ha.

**1.2.2. Quy mô Dự án:**

- Tổng diện tích đất sử dụng thực hiện Dự án là 6,0ha, các khu phụ trợ được bố trí trong khu vực ranh giới mỏ.

- Trữ lượng theo Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 72/QĐ-UBND ngày 13/6/2024 do UBND tỉnh Nghệ An cấp, cụ thể:

+ Trữ lượng khoáng sản huy động vào thiết kế khai thác (cấp 122): 1.039.871m<sup>3</sup> (đất nguyên khối);

+ Trữ lượng khai thác: 970.467m<sup>3</sup> (đất nguyên khối, tương đương với 1.251.902m<sup>3</sup> đất nguyên khai).

**1.2.3. Công suất Dự án:**



- Từ năm thứ 1 đến năm thứ 9 khai thác với công suất 130.000m<sup>3</sup> đất nguyên khai/năm, tương đương 100.775m<sup>3</sup> đất nguyên khối/năm;

- Năm thứ 10 khai thác vét với công suất 81.902m<sup>3</sup> đất nguyên khai/năm, tương đương 63.492m<sup>3</sup> đất nguyên khối/năm.

1.2.4. Tuổi thọ Dự án: 10 năm kể từ ngày cấp Giấy phép khai thác khoáng sản.

### **1.3. Công nghệ sản xuất**

- Công nghệ khai thác: xúc bốc - vận tải.

- Hệ thống khai thác: hệ thống khai thác lớp bằng vận tải trực tiếp.

- Trình tự khai thác: khai thác theo hướng mở rộng từ ngoài vào trong, từ trên xuống dưới với cao độ +95,86m đến cao độ +58m là dừng.

### **1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư**

#### 1.4.1. Các hạng mục công trình

a) Các hạng mục công trình chính:

- Mở vỉa: từ điểm A có cao độ +60m, tọa độ (X = 2137756,96; 590817,65) nằm ở đường vào mỏ trong khu vực khai thác mở đường hào vận tải bám theo sườn núi lên đỉnh phía Đông Nam mỏ tại điểm B có cao độ +85m, tọa độ (X = 2137558,96; Y = 591195,93) chiều dài 440m, lòng đường rộng 9m.

- Mặt bằng khai thác đầu tiên: tại mức +85m ở vị trí gần điểm mốc số 5 và mức +85m tại đỉnh núi phía Đông Nam mỏ; diện tích 1.200 m<sup>2</sup>, khối lượng thi công đào 3.120m<sup>3</sup>.

b) Các hạng mục công trình phụ trợ:

- Nhà trực ca; kho vật tư, chất thải và nhà vệ sinh: lắp đặt 02 container 20ft nằm trong phạm vi mỏ, vị trí phía Tây Bắc gần cạnh số 1-6 của mỏ phục vụ cho công nhân làm việc, hoạt động của mỏ.

- Trạm cân: lắp đặt 01 trạm cân 80 tấn nằm trong khu vực mỏ, tại vị trí cổng ra vào mỏ, gần cạnh số 1-6.

c) Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường:

- Công trình giảm thiểu bụi: xây dựng cầu rửa xe ở khu vực cổng ra vào trên đường nội mỏ (gần cạnh số 1-6) phía Tây Bắc của Dự án, kích thước 12m x 3,2m x 0,3m.

- Công trình thu gom, xử lý và thoát nước mưa chảy tràn:

+ Hệ thống mương thu gom nước mưa chảy tràn về hố lắng với tổng chiều dài 660m; rộng mặt 1,5m, rộng đáy 0,5m, chiều sâu 1m. Khối lượng thi công 660m<sup>3</sup>;



+ Hồ lắng: có thể tích  $675\text{m}^3$ , kích thước  $15\text{m} \times 15\text{m}$ , sâu  $3,0\text{m}$  đặt ở phía Tây Bắc, cạnh mốc số 1 ranh giới mỏ.

- Công trình xử lý nước thải sinh hoạt: lắp đặt 01 nhà vệ sinh di động tại container, vật liệu bằng composite, có bồn chứa nước thải sinh hoạt bằng composite dung tích  $2\text{m}^3$ /bồn.

- Công trình thu gom, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

+ Khu vực lưu giữ đất bóc hữu cơ và đất đào trong quá trình mở vỉa, tạo diện khai thác (bãi thải tạm): từ năm thứ 1 đến năm thứ 7, bố trí bãi thải tạm tại phía Tây Bắc gần mốc số 2 ranh giới mỏ, từ năm năm thứ 8 đến năm thứ 10 dịch chuyển bãi thải tạm về phía Đông Nam, gần mốc số 6 ranh giới mỏ, diện tích bãi thải  $2.600\text{m}^2$ , chiều cao đò thải trung bình  $7,0\text{m}$ ; đắp đê bao bằng đất, cao  $3,0\text{m}$ , tạo rãnh thoát nước xung quanh chân bãi thải;

+ Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: bố trí 01 kho trong container có diện tích  $2,25\text{m}^2$ , bố trí 03 thùng composite có màu sắc khác nhau, dung tích 50 lít, có nắp đậy, dán nhãn để phân loại rác thải sinh hoạt theo quy định;

+ Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại: bố trí 01 khu vực lưu giữ chất thải nguy hại (nằm trong 01 container) diện tích  $2,25\text{m}^2$ , có lắp đặt biển báo; bố trí 03 thùng composites dung tích 50 lít, có nắp đậy, dán nhãn chất thải nguy hại theo quy định.

#### 1.4.2. Hoạt động của Dự án đầu tư

- Hoạt động mở vỉa, tạo mặt bằng khai thác đầu tiên; lắp đặt xây dựng các hạng mục công trình phụ trợ, công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường.

- Hoạt động khai thác đất san lấp: từ năm thứ 1 đến năm thứ 9:  $130.000\text{m}^3$  đất nguyên khai/năm (tương đương với  $100.775\text{m}^3$  đất nguyên khối/năm); năm thứ 10 (khai thác vét):  $81.902\text{m}^3$  đất nguyên khai/năm (tương đương với  $63.492\text{m}^3$  đất nguyên khối/năm).

- Hoạt động vận chuyển: cải tạo đoạn đường đất thành đường cấp phối để phục vụ vận chuyển ngoại mỏ với chiều dài tuyến  $180\text{m}$ , rộng  $6\text{m}$ , hướng tuyến đi từ khu vực thực hiện Dự án đầu nối với tuyến đường tỉnh lộ 538. Đoạn đường đất này thuộc quyền quản lý của UBND xã Tân Thắng, hiện đang được sử dụng làm đường đi lại cho người dân phục vụ sản xuất nông nghiệp theo Công văn số 54/CV-UBND ngày 28/10/2024 của UBND xã Tân Thắng.

- Hoạt động cải tạo, phục hồi môi trường.

#### 1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 4 Điều 25 Nghị định số



08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

## **2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường**

### **2.1. Giai đoạn xây dựng**

Hoạt động mở vỉa, tạo mặt bằng khai thác đầu tiên; lấp đặt xây dựng các hạng mục công trình phụ trợ, công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường tác động xấu đến môi trường không khí, môi trường nước mặt, môi trường đất khu vực Dự án. Hoạt động của máy móc thi công, vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng phát sinh bụi, tiếng ồn và chất thải nguy hại có khả năng ảnh hưởng đến chất lượng môi trường khu vực. Việc tập trung công nhân trong giai đoạn xây dựng phát sinh chất thải sinh hoạt và nước thải sinh hoạt có khả năng tác động đến môi trường nước mặt, môi trường đất khu vực Dự án.

### **2.2. Giai đoạn vận hành:**

- Hoạt động từ quá trình khai thác phát sinh bụi, khí thải có khả năng tác động đến chất lượng không khí khu vực Dự án; phát sinh đất phủ bề mặt có khả năng tác động đến môi trường nước, môi trường đất khi nước mưa chảy tràn chảy qua khu vực Dự án. Hoạt động của cán bộ công nhân viên phát sinh chất thải rắn sinh hoạt, nước thải sinh hoạt và một số chất thải nguy hại.

- Hoạt động vận chuyển phát sinh bụi, khí thải có khả năng tác động đến chất lượng không khí khu vực tuyến đường vận chuyển.

- Hoạt động cải tạo phục hồi môi trường có phát sinh bụi có khả năng tác động đến môi trường không khí khu vực xung quanh Dự án.

## **3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án đầu tư**

### **3.1. Nước thải, khí thải**

#### **3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải**

##### **a) Giai đoạn xây dựng:**

- Nước mưa chảy tràn trên khu vực bóc phủ, đào đắp tuyến đường mở vỉa, tạo mặt bằng khai thác, khu phụ trợ và khu vực lưu giữ đất. Nước mưa chảy tràn phát sinh lớn nhất tại khu vực Dự án là  $94,19\text{m}^3/\text{giờ}$ ; thành phần chủ yếu là các chất rắn lơ lửng.

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh khoảng  $0,5\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ , thành phần chủ yếu chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh.



- Nước thải xịt rửa bánh xe phát sinh khoảng  $2\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ , thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng từ bùn, đất.

b) Giai đoạn vận hành:

- Nước mưa chảy tràn phát sinh lớn nhất tại khu vực khai thác là  $178,81\text{m}^3/\text{giờ}$ ; thành phần chủ yếu là các chất rắn lơ lửng.

- Nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân phát sinh khoảng:  $0,6\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ , thành phần chủ yếu chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh.

- Nước thải xịt rửa bánh xe:  $2\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ , thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng như bùn, đất.

### 3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Giai đoạn xây dựng: bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động phát quang sinh khối thực vật; thi công các hạng mục công trình Dự án gồm: đường, tạo diện khai thác đầu tiên, hệ thống thoát nước, các hạng mục công trình phụ trợ và bảo vệ môi trường; vận chuyển máy móc thiết bị, nguyên vật liệu, đất đắp, đất đổ thải. Thành phần chủ yếu là bụi, khí thải như  $\text{NO}_2$ ,  $\text{SO}_2$ , CO, VOC.

b) Giai đoạn vận hành: bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động khai thác đất san lấp, phương tiện vận chuyển đất san lấp đi tiêu thụ và từ hoạt động của máy móc, thiết bị vận tải, thi công tại mỏ; thành phần chủ yếu là bụi, khí thải như  $\text{NO}_2$ ,  $\text{SO}_2$ , CO, VOC.

## 3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

### 3.2.1. Chất thải rắn sinh hoạt

a) Giai đoạn xây dựng: chất thải rắn sinh hoạt của công nhân thi công phát sinh khoảng  $2,5\text{kg}/\text{ngày}$ ; thành phần gồm chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế (có nguồn gốc từ nhựa, kim loại); chất thải thực phẩm (rau, củ quả, thức ăn thừa); chất thải rắn sinh hoạt khác.

b) Giai đoạn vận hành: chất thải rắn sinh hoạt của công nhân thi công phát sinh khoảng  $4\text{kg}/\text{ngày}$ ; thành phần gồm chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế (có nguồn gốc từ nhựa, kim loại); chất thải thực phẩm (rau, củ quả, thức ăn thừa); chất thải rắn sinh hoạt khác (nilon, hộp xốp, vỏ chai thủy tinh...).

### 3.2.2. Chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn xây dựng: sinh khối thực vật phát sinh khoảng  $65,75\text{m}^3$ ; khối lượng đất đào do hoạt động thi công đường, mương rãnh thoát nước khoảng  $9.757\text{m}^3$ .



b) Giai đoạn vận hành: sinh khối thực vật phát sinh khoảng  $534,5\text{m}^3$ ; khối lượng tầng đất phủ khoảng  $16.027,5\text{m}^3$ ; bùn thải từ nạo vét hố lắng, mương thoát nước khoảng  $22,5\text{m}^3$ /lần nạo vét/năm, tương đương với  $225\text{m}^3$  trong suốt quá trình khai thác.

### 3.2.3. Chất thải nguy hại

a) Giai đoạn xây dựng: chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động vệ sinh, bảo dưỡng thiết bị, máy móc với khối lượng phát sinh khoảng  $2\text{kg}$ /tháng; thành phần chủ yếu là dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu mỡ, bóng đèn huỳnh quang...

b) Giai đoạn vận hành: chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động vệ sinh, bảo dưỡng thiết bị, máy móc khai thác với khối lượng phát sinh khoảng  $5\text{kg}$ /tháng; thành phần chủ yếu là dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu mỡ, bóng đèn huỳnh quang...

### 3.3. Tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn xây dựng:

- Tiếng ồn: phát sinh chủ yếu từ hoạt động của máy móc thi công xây dựng cơ bản, phương tiện vận chuyển. Các máy móc khi hoạt động tạo ra tiếng ồn cao, có thể đạt từ  $78-90\text{dBA}$ , ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân khu vực mỏ.

- Độ rung: phát sinh chủ yếu từ hoạt động của máy móc thi công, phương tiện vận chuyển, ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân thi công.

b) Giai đoạn vận hành:

- Tiếng ồn: phát sinh chủ yếu từ hoạt động của máy móc khai thác, phương tiện vận chuyển. Các máy móc khi hoạt động tạo ra tiếng ồn cao, có thể đạt từ  $78-90\text{dBA}$ , ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân khu vực mỏ.

- Độ rung: phát sinh chủ yếu từ hoạt động của máy móc khai thác, phương tiện vận chuyển, ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân thi công.

### 3.4. Các tác động khác

- Tác động đến môi trường của việc chiếm dụng đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng với diện tích  $6,0\text{ha}$ .

- Tăng nguy cơ gây bồi lấp các khe suối ở gần khu vực mỏ.

- Tác động đến cảnh quan, hệ sinh thái trong khu vực: hoạt động đào xúc khai thác đất làm biến dạng địa hình đồi núi ban đầu, cảnh quan thay đổi.

- Tác động đến môi trường kinh tế - xã hội: đáp ứng nhu cầu vật liệu xây dựng san lấp, góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, tăng tỉ trọng công nghiệp địa



phương, tăng nguồn thu ngân sách tỉnh qua các loại thuế; việc tập trung công nhân tại mỏ có thể gây xáo trộn, tạo mâu thuẫn, mất trật tự an ninh xã hội.

- Các rủi ro, sự cố có thể xảy ra: sự cố sạt lở đất, xói mòn, bồi lấp đất, sự cố tai nạn lao động, sự cố do thiên tai thời tiết, sự cố cháy rừng, vỡ hồ lắng...

#### **4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư**

##### **4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải**

###### **4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải**

a) Giai đoạn xây dựng:

- Nước mưa chảy tràn:

+ Thi công cuốn chiếu các hạng mục công trình, làm đến đâu xong đến đó, gia cố mặt bằng, taluy chống xói lở, rửa trôi;

+ Đầm nén mặt bằng kịp thời chống lầy hóa, rửa trôi;

+ Mương thu gom và thoát nước mỏ: đào hệ thống mương thu gom nước mưa chảy tràn rộng mặt trên 1,5m; rộng đáy 0,5m; sâu 1,0m có chiều dài 660m về hồ lắng và 120m từ hồ lắng ra nguồn tiếp nhận;

+ Đào hồ lắng có kích thước 15mx15mx3m, thể tích 675m<sup>3</sup> gần mốc số 1 của mỏ. Hồ lắng được ép chặt bằng máy xúc từ đáy lên thành hồ lắng để đảm bảo không bị sạt lở, xung quanh hồ lắng được lắp hàng rào thép gai và cắm biển báo NGUY HIỂM;

+ Lắp đặt công thoát nước bê tông cốt thép mua sẵn, đường kính 0,4m, tổng chiều dài 10m tại các vị trí cần dẫn nước qua đường vận tải;

+ Thực hiện thu gom toàn bộ rác thải sinh hoạt phát sinh, không để cuốn theo nước mưa chảy tràn.

- Nước thải sinh hoạt: lắp đặt 01 nhà vệ sinh di động bằng Composite, có bồn chứa nước thải sinh hoạt dung tích 2m<sup>3</sup>/bồn. Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển và xử lý nước và bùn thải đúng quy định, không xả thải ra môi trường. Đối với nước rửa tay chân, thu gom theo rãnh thoát nước vào hồ lắng để xử lý.

- Nước thải xịt rửa bánh xe: được thu gom theo mương thoát nước đường nội mỏ về hồ lắng để xử lý trước khi thải ra khe Trốt ở phía Tây Bắc Dự án.

b) Giai đoạn vận hành:

- Nước mưa chảy tràn:

+ Tiếp tục sử dụng các công trình thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn trong giai đoạn xây dựng;



+ Thực hiện khai thác theo hệ thống khai thác và trình tự khai thác đã được thiết kế và phê duyệt; giảm thiểu bốc xúc, cày xới khai trường trên diện tích lớn;

+ Thực hiện nghiêm túc việc thu gom và lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt. Tuyệt đối không để chất thải rắn, chất thải nguy hại rơi vãi hoặc lưu giữ chất thải trên khai trường;

+ Định kỳ nạo vét hệ thống mương thu gom và thoát nước mưa trước và sau mưa.

- Nước thải sinh hoạt: tiếp tục sử dụng nhà vệ sinh đã lắp đặt trong giai đoạn xây dựng. Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển và xử lý nước và bùn thải đúng quy định, không xả thải ra môi trường. Đối với nước rửa tay chân, thu gom theo rãnh thoát nước vào hố lắng để xử lý.

- Nước thải xịt rửa bánh xe: được thu gom theo mương thoát nước đường nội mô về hố lắng để xử lý trước khi thải ra khe Trốt ở phía Tây Bắc Dự án.

\* Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý nước thải sinh hoạt; không được phép xả thải ra môi trường khi chưa xử lý đảm bảo theo quy định của pháp luật.

+ Việc xử lý nước thải từ Dự án phải tuân thủ quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a) Giai đoạn xây dựng:

- Sử dụng những phương tiện, máy móc được đăng kiểm; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải...; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định.

- Thi công cuốn chiếu các hạng mục, không làm toai đất trên diện rộng để giảm thiểu diện tích nguồn phát sinh bụi.

- Xây dựng hệ thống cầu rửa xe tại công ra vào trên đường nội mô, trang bị hệ thống bơm vòi xịt rửa để rửa sạch bánh xe trước khi đi ra khỏi mô.

- Tưới ẩm khu vực khai trường với tần suất tưới ẩm là 2 lần/ngày, lượng nước tiêu hao tối đa khoảng 2m<sup>3</sup>/ngày.

- Tưới ẩm tuyến đường vận chuyển từ mô ra đường tỉnh lộ 538 và đoạn đường 200m qua 2 hộ dân trên trục đường tỉnh lộ 538 gần khu vực Dự án với tần suất tưới ẩm là 2 - 4 lần/ngày.



- Phương tiện vận chuyển không chở quá trọng tải và được phủ bạt che kín thùng xe nhằm giảm thiểu đất rơi vãi và bụi phát sinh.

- Gia cố, làm sạch đường vận chuyển thường xuyên, trồng cây bóng mát hai bên đường vận chuyển từ mỏ ra đường tỉnh lộ 538 để hạn chế phát sinh bụi vào mùa nắng và bùn lầy vào mùa mưa.

- Sử dụng loại nhiên liệu đúng theo thiết kế của phương tiện sử dụng, ưu tiên sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp.

#### b) Giai đoạn vận hành:

- Tiếp tục sử dụng cầu rửa xe, hệ thống xịt rửa bánh xe trong quá trình xây dựng để xịt rửa bánh xe trước khi ra khỏi mỏ.

- Tưới ẩm tại những vị trí phát sinh bụi trong khu vực khai trường với tần suất tưới ẩm là 2 - 4 lần/ngày.

- Tưới ẩm tuyến đường vận chuyển từ mỏ ra đường tỉnh lộ 538 và đoạn đường 200m qua 2 hộ dân trên trục đường tỉnh lộ 538 gần khu vực Dự án với tần suất tưới ẩm là 2 - 6 lần/ngày.

- Duy tu, bảo dưỡng đường vận chuyển mỏ như gia cố đường, lu lèn tạo mặt phẳng bề mặt, trồng bổ sung cây để hạn chế phát sinh bụi vào mùa nắng và bùn lầy vào mùa mưa.

- Phủ bạt che kín thùng xe vận chuyển nhằm giảm thiểu bụi phát tán ra môi trường.

- Sử dụng các phương tiện vận tải đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường mới được phép hoạt động phục vụ cho công tác khai thác và vận chuyển. Định kỳ bảo dưỡng và kiểm tra xe, thiết bị thi công công trình để giảm tiếng ồn và khí thải phát ra từ động cơ.

- Sử dụng loại nhiên liệu đúng theo thiết kế của phương tiện sử dụng, ưu tiên sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp.

\* Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thực hiện và giám sát các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn xây dựng và giai đoạn vận hành của Dự án.

## **4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại**

### 4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

#### a) Giai đoạn xây dựng:

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: bố trí 1 kho lưu giữ chất thải rắn sinh



hoạt với diện tích 2,25m<sup>2</sup> nằm trong container. Bố trí 03 thùng composite có nắp đậy, dung tích 50l có màu sắc khác nhau, dán nhãn để phân loại chất thải rắn sinh hoạt theo quy định (01 thùng màu xanh lá cây chứa chất thải thực phẩm, 01 thùng màu xanh nước biển chứa chất thải tái chế, tái sử dụng và 01 thùng màu đen chứa chất thải sinh hoạt khác). Chủ đầu tư ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý đúng quy định.

- Đối với chất thải rắn thông thường:

+ Sinh khối thực vật từ quá trình phát quang thảm thực vật: thu hoạch các sản phẩm cây hàng năm bán cho thương lái; một phần cành, lá của cây trồng hàng năm được cho người dân để ủ hoai làm phân bón cho cây trồng; phần còn lại hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý đúng quy định;

+ Đất bóc phong hóa trong quá trình xây dựng, đất đào phát sinh từ quá trình làm đường, đào hố lửng, đào mương thoát nước được lưu giữ tại bãi thải tạm bố trí tại phía Tây Bắc để phục vụ cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác. Tại khu vực bãi thải tạm được gieo hạt cỏ tạo lớp phủ bề mặt, hạn chế rửa trôi, xói lở đất.

b) Giai đoạn vận hành:

- Đối với chất thải rắn thông thường:

+ Sinh khối thực vật từ quá trình phát quang thảm thực vật tiếp tục thực hiện như giai đoạn xây dựng;

+ Chất thải rắn từ quá trình nạo vét hố lửng và mương thoát nước: được thu gom và lưu giữ tại bãi thải tạm;

+ Lớp đất phủ, đất bóc: được lưu giữ tại bãi thải tạm để phục vụ cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác.

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: tiếp tục thực hiện biện pháp như giai đoạn xây dựng.

\* Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn thông thường và chất thải rắn sinh hoạt trong quá trình thi công xây dựng và khai thác của Dự án đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT- BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Quyết



định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 30/7/2024 của UBND tỉnh Nghệ An ban hành quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn xây dựng:

- Hạn chế thay dầu máy tại khu vực mỏ; thực hiện sửa chữa, thay dầu mỡ các thiết bị thi công và vận chuyển tại các cơ sở có chức năng trên địa bàn huyện Quỳnh Lưu. Trong điều kiện phải sửa chữa thiết bị tại mỏ thì phải trải bạt hứng dầu rò rỉ, thu gom hết dầu mỡ cặn, giặt lau dính dầu mỡ, lưu giữ đúng nơi quy định.

- Bố trí 01 kho lưu giữ chất thải nguy hại trong container với diện tích 2,25m<sup>2</sup>, 03 thùng composite dung tích 50 lít, có nắp đậy, dán nhãn chất thải nguy hại để lưu giữ chất thải nguy hại phát sinh tại mỏ.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý đúng quy định.

b) Giai đoạn vận hành: tiếp tục thực hiện biện pháp như giai đoạn xây dựng.

\* Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại chất thải nguy hại trong quá trình thi công xây dựng và khai thác của Dự án đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

### **4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung**

a) Giai đoạn xây dựng:

- Sử dụng các loại máy móc đúng công suất nhằm hạn chế tiếng ồn, độ rung.

- Trang bị bảo hộ lao động, thiết bị chống ồn cho công nhân.

- Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng (tra dầu mỡ tại các bộ phận tiếp xúc gây ồn) các thiết bị thi công và kiểm định kỹ thuật theo đúng quy định.

b) Giai đoạn vận hành: tiếp tục thực hiện biện pháp như giai đoạn xây dựng.

\* Yêu cầu về bảo vệ môi trường: tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy



chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

#### 4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

##### 4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

###### a) Công tác san gạt và trồng cây ở đai bảo vệ

- Kết thúc khai thác mỏ để lại các đai bảo vệ với diện tích là  $10.643\text{m}^2$  ( $\sim 1,0643\text{ha}$ ) chiều rộng mỗi đai bảo vệ là 2,2m.

- Tại các đai bảo vệ vẫn là lớp đất phong hóa hoàn toàn, mạnh đến vừa, cấp đất đá từ <V, tương ứng với cường độ kháng nén  $\leq 240\text{kg/cm}^2$ , máy xúc có thể đào, nên cần bổ sung lớp đất màu với chiều dày 0,3m. Khối lượng đất màu cần để cải tạo là  $3.129,9\text{m}^3$ .

- Đào hố trồng cây theo kích thước 0,4m x 0,4m, hố cách hố 2m, hàng cách hàng 3m và trồng cây keo lá tràm với mật độ trồng 1.660 cây/ha, tỷ lệ trồng dặm 10% mật độ cây trồng (tương đương 1.826 cây/ha) trên khu vực đai bảo vệ. Số cây phải trồng là 1.943 cây. Trong thời gian 3 năm đầu thực hiện chăm sóc cây.

- Cây giống keo lá tràm hạt tiêu chuẩn cây: tuổi cây đủ tiêu chuẩn xuất vườn: 3 - 4 tháng, chiều cao cây: 35 - 40cm, đường kính gốc: 3-4mm, cây sinh trưởng tốt không sâu bệnh; bộ rễ phát triển tốt, cây không bị cụt ngọn, không nhiều thân.

- Thời gian thực hiện: sau khi kết thúc khai thác.

###### b) Cải tạo bờ taluy moong khai thác

- Thực hiện vãi hạt cỏ Ghine trên diện tích 1,2401ha bờ taluy mong khai thác (mật độ vãi hạt cỏ: 10kg hạt/1ha).

- Thời gian thực hiện: trong suốt quá trình khai thác khi tạo các bờ taluy.

###### c) Lập hàng rào, biển báo xung quanh moong

- Chu vi xung quanh khu vực khai thác cần lắp đặt biển báo là 1.199m, số lượng biển báo cần lắp đặt là 12 cái tương ứng với 12 cột biển báo, biển cách biển 100m. Biển báo được làm bằng bê tông cốt thép hình vuông, kích thước 0,6m x 0,6m, có ghi chữ "KHU VỰC NGUY HIỂM" màu đen, cột biển báo bằng bê tông cốt thép cao 2,7m, chôn sâu 0,5m.

- Lắp đặt thêm 300 cột trụ bê tông xen giữa các biển báo, cột trụ cao 2,0m (chôn sâu 0,5m), cột cách cột 4m. Lắp hàng rào dây thép gai tổng chiều dài 1.199m xung quanh khu vực khai thác. Lưới thép gai đan bằng các dây thép gai cách nhau 25cm, 4 hàng dây thép gai, chiều rộng lưới là 1m, các dây thép gai phương ngang được buộc vào giữa các cột trụ bê tông. Diện tích lưới thép cần



lắp đặt là  $1.199\text{m}^2$ .

- Thời gian thực hiện: trong giai đoạn xây dựng.

d) Công tác san gạt và trồng cây đáy moong sau khi kết thúc khai thác

- Mua bổ sung đất màu khối lượng  $1.933,3\text{m}^3$ ; đổ đất màu ở đáy moong với chiều dày  $0,7\text{m}$ , diện tích khu vực đổ đất màu  $36.362\text{m}^2$ , khối lượng  $25.253,4\text{m}^3$ .

- San gạt, tạo mặt bằng bề mặt đáy moong với tổng diện tích  $36.362\text{m}^2$  (trong đó bao gồm diện tích bãi thải  $2.600\text{m}^2$ ), khối lượng  $25.253,4\text{m}^3$ .

- Đào hố trồng cây theo kích thước  $0,4\text{m} \times 0,4\text{m}$ , hố cách hố  $2\text{m}$ , hàng cách hàng  $3\text{m}$  và trồng cây keo lá tràm với mật độ trồng  $1.660$  cây/ha, tỷ lệ trồng dặm  $10\%$  mật độ cây trồng (tương đương  $1.826$  cây/ha) trên khu vực đáy moong. Số cây phải trồng là  $6.640$  cây. Trong thời gian  $3$  năm đầu thực hiện chăm sóc cây.

- Cây giống keo lá tràm hạt tiêu chuẩn cây: tuổi cây đủ tiêu chuẩn xuất vườn:  $3 - 4$  tháng, chiều cao cây:  $35 - 40\text{cm}$ , đường kính gốc:  $3-4\text{mm}$ , cây sinh trưởng tốt không sâu bệnh; bộ rễ phát triển tốt, cây không bị cụt ngọn, không nhiều thân.

- Thời gian thực hiện: sau khi kết thúc khai thác.

e) Công tác tạo hệ thống thoát nước cho bề mặt kết thúc khai thác

- Dùng máy xúc tạo mương thoát nước xung quanh đáy moong khai thác, kích thước mương  $40 \times 60 \times 40\text{cm}$ ; chiều dài mương  $990\text{m}$ , diện tích mương là  $594\text{m}^2$ . Khối lượng cần thi công là  $198\text{m}^3$ .

- Thời gian thực hiện: sau khi kết thúc khai thác.

f) Công tác phục hồi môi trường khu vực bãi thải

Khu vực bãi thải tạm thuộc phạm vi mỏ nên sau khi kết thúc khai thác và hoàn thổ môi trường sẽ không còn bãi thải (đất lưu giữ được san gạt trồng cây) nên không có hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường khu vực bãi thải.

g) Công tác cải tạo phục hồi môi trường mặt bằng khu phụ trợ và hố lắng

- Khu phụ trợ:

+ Đối với nhà ở container và trạm cân: tháo dỡ, di dời đến vị trí khác (các công trình xây dựng của Công ty). Khối lượng di dời:  $02$  nhà container  $10$  tấn; trạm cân  $15$  tấn;

+ Cầu rửa xe: phá dỡ cầu rửa xe, khối lượng  $11,52\text{m}^3$ .

- Đối với hố lắng: tháo dỡ  $01$  biển báo,  $30\text{m}^2$  dây thép gai,  $6$  cọc tiêu bê



tông cốt thép khu vực hố lửng; san lấp hố lửng, khối lượng san lấp là  $675\text{m}^3$ .

- Thời điểm thực hiện: sau khi kết thúc khai thác.

h) Công tác cải tạo phục hồi môi trường khu vực ngoài biên giới mỏ

- Cải tạo tuyến đường cấp phối vận tải từ mỏ ra đường tỉnh lộ 538 để tiếp tục phục vụ giao thông của người dân, chiều dài tuyến đường 180m, chiều rộng lòng đường cần cải tạo là 6,0m. Diện tích cần cải tạo để san gạt và lu lèn là  $1.080\text{m}^2$ .

- Thời điểm thực hiện: sau khi kết thúc khai thác.

i) Dự toán kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường:

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường: **1.336.119.253 đồng**.

- Số lần ký quỹ: 10 lần, cụ thể:

+ Số tiền ký quỹ lần đầu là: **267.223.905 đồng**;

+ Số tiền ký quỹ từ lần thứ 2 đến lần thứ 10, mỗi lần ký quỹ với số tiền là: **118.766.180 đồng**.

+ Số tiền trượt giá hàng năm được chủ dự án tự kê khai và nộp cùng với số tiền ký quỹ hàng năm của Dự án.

- Thời điểm: thời điểm ký quỹ lần đầu được thực hiện trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ. Từ lần thứ hai trở đi phải thực hiện trong khoảng thời gian không quá 7 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Nghệ An.

4.4.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố do xói mòn, trượt lở:

+ Thi công các hạng mục công trình, khai thác đúng thiết kế, nhất là công tác đầm nén mặt bằng, tránh hiện tượng sụt lún, lở đất;

+ Thường xuyên kiểm tra các hạng mục công trình, đặc biệt là những nơi có độ dốc lớn và xử lý các vấn đề có nguy cơ xảy ra xói mòn trượt lở khi có mưa.

- Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố do mưa bão, thiên tai:

+ Thường xuyên theo dõi dự báo thời tiết để thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn cho các công trình tại mỏ trước những điều kiện thời tiết bất thường;



- + Thường xuyên kiểm tra bờ mỏ, taluy đường, phát hiện nơi xung yếu để tiến hành gia cố và xử lý ngay;
- + Bố trí cán bộ tại mỏ đảm nhận trách nhiệm theo dõi các hiện tượng thời tiết bất thường và giám sát sự an toàn của các công trình;
- + Lập phương án phòng chống lụt bão, liên hệ với địa phương để phối hợp ứng cứu khi có sự cố xảy ra, không sản xuất trong những ngày mưa lớn, bão lũ.
- Biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố tai nạn lao động:
  - + Trên tuyến đường vận chuyển nội mỏ bố trí các điểm tránh xe lên xuống và cắm các biển báo báo hiệu;
  - + Khi làm việc, yêu cầu công nhân mang đầy đủ trang bị bảo hộ lao động, chấp hành nghiêm chỉnh các quy phạm kỹ thuật an toàn và nội quy an toàn lao động;
  - + Đào tạo huấn luyện an toàn lao động và đăng ký sử dụng thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn. Phổ biến kiến thức về vệ sinh an toàn lao động cho toàn bộ cán bộ công nhân viên và thường xuyên kiểm tra việc tuân thủ các quy định về an toàn lao động của cán bộ công nhân viên;
  - + Trang bị đầy đủ và có hiệu quả các thiết bị bảo hộ lao động và có kế hoạch kiểm tra sức khỏe cán bộ công nhân viên định kỳ hàng năm nhằm kịp thời phát hiện các trường hợp mắc bệnh nghề nghiệp;
  - + Giải quyết tốt các chế độ chính sách cho người lao động bao gồm cả các chế độ liên quan đến sự cố theo luật lao động.
- Đối với sự cố cháy nổ, cháy rừng:
  - + Đảm bảo an toàn trong sử dụng điện;
  - + Cán bộ công nhân viên phải được tập huấn công tác phòng cháy, nổ theo đúng kỹ thuật an toàn lao động cháy, nổ hiện hành;
  - + Xây dựng các phương án và nội quy an toàn về phòng chống cháy nổ.
- Sự cố sạt lở hố lắg:
  - + Thường xuyên kiểm tra hố lắg, trước và sau những ngày thời tiết mưa;
  - + Lắp đặt hàng rào thép gai, biển báo nguy hiểm xung quanh hố lắg để đề phòng sự cố cho con người và vật nuôi.

## **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ Dự án đầu tư**

### **5.1. Giám sát chất rắn thông thường và chất thải nguy hại**



- Nội dung: khối lượng phát sinh; phân loại các loại chất thải phát sinh và công tác thu gom, quản lý theo quy định.

- Vị trí giám sát: toàn bộ khu vực thực hiện Dự án.

- Tần suất giám sát: hàng ngày trong giai đoạn xây dựng và hoạt động.

## **5.2. Giám sát khác**

- Nội dung: giám sát xói mòn, trượt lở, giám sát cháy nổ.

- Vị trí giám sát: toàn bộ khu vực mỏ.

- Tần suất giám sát: hàng ngày trong giai đoạn xây dựng và hoạt động.

## **5.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác**

Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu sau:

5.3.1. Chỉ được triển khai thực hiện Dự án khi được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan.

5.3.2. Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, đất đai, khoáng sản, tài nguyên nước và bảo vệ môi trường trong mọi hoạt động triển khai xây dựng và khai thác mỏ.

5.3.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về độ chính xác, tin cậy của toàn bộ dữ liệu, số liệu tính toán, đo đạc, các mốc tọa độ của Dự án; chịu trách nhiệm về những thông tin, số liệu đã nêu trong hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.

5.3.4. Chịu trách nhiệm về nội dung thiết kế cơ sở; chỉ được xây dựng và khai thác trên diện tích đất theo phạm vi, ranh giới đã được cấp thẩm quyền cho phép.

5.3.5. Lập và thực hiện phương án chi tiết về các biện pháp phòng ngừa, ứng cứu sự cố; tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, ứng cứu sự cố, an toàn giao thông đường bộ, quản lý đất đai và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

5.3.6. Theo dõi, giám sát xói mòn, trượt lở đất, giám sát hệ thống thoát nước, giám sát an toàn công trình để có giải pháp xử lý kịp thời nhằm ngăn ngừa hiện tượng sạt lở, khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra sự cố phải dừng ngay các hoạt động khai thác, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời phối hợp với cơ quan có thẩm quyền để xử lý.

5.3.7. Tuân thủ nghiêm túc công tác cải tạo phục hồi môi trường, chế độ thông tin báo cáo về việc thực hiện nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi



trường đã được phê duyệt tại Quyết định này và theo quy định hiện hành.

5.3.8. Thực hiện mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả. Thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường, các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường khác như đã đề xuất; cập nhật, lưu giữ số liệu, giám sát để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra khi cần thiết.

5.3.9. Điều chỉnh, bổ sung nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường cho phù hợp với nội dung, yêu cầu bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định và cung cấp thông tin về môi trường theo quy định.

5.3.10. Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đã được phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

5.3.11. Cam kết thực hiện các nội dung đã thỏa thuận, thống nhất tại Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư xã Tân Thắng, huyện Quỳnh Lưu; Công văn ý kiến tham vấn trong quá trình lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của Ủy ban nhân dân, Ủy ban mặt trận Tổ quốc xã Tân Thắng, huyện Quỳnh Lưu; Công văn cho ý kiến về phương án sử dụng tuyến đường phục vụ hoạt động của Dự án của UBND xã Tân Thắng.

5.3.12. Xây dựng, thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố chất thải; tổ chức ứng phó sự cố chất thải tại cơ sở và tham gia ứng phó sự cố chất thải theo sự chỉ huy của cơ quan, người có thẩm quyền.

5.3.13. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường và bồi thường thiệt hại đối với môi trường và xã hội nếu trong quá trình hoạt động gây ô nhiễm môi trường xung quanh và gây sự cố môi trường.

